TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS - PT
Ngày: 23/01/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Hiển và ông Bằng Công Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2023/TLPT- DS ngày 16/10/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS - ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989. (Có mặt)

Trú tại: Xóm B, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lưu Bình D – Văn phòng luật sư Lưu Bình D – Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký tạm trú: Căn hộ P1 – 0612 tòa P, chung cư M, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Doãn S, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Ông S có văn bản rút ủy quyền và từ chối làm đại diện theo ủy quyền ngày 15/11/2023)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Lý Trường T1, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Xóm B, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký tạm trú: Căn hộ P1 – 0612 tòa P, chung cư M, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ: Ông Bùi Doãn S, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Ông S có văn bản rút ủy quyền và từ chối làm đại diện theo ủy quyền ngày 15/11/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Do có quen biết nhau từ trước và là đồng nghiệp công tác cùng trường nên chị M đã nhiều lần vay tiền của chị T để làm ăn và chị M đã trả nợ. Giữa năm 2021, chị M biết vợ chồng chị T đang vay tiền để mở xưởng làm gỗ bóc nhưng chưa dùng đến tiền, chị M đã hỏi vay tiền chị T về làm ăn, chị T đã đồng ý và cho chị M vay nhiều lần với tổng số tiền 1.550.000.000 đồng bằng tiền mặt và chuyển khoản, trong đó tiền mặt là 450.000.000 đồng nhưng chị không nhớ rõ ngày nào và anh Lý Trường T1 là chồng chị chuyển khoản 2 lần là 1.100.000.000 đồng (ngày 15.7.2021 chuyển 400.000.000 đồng và ngày 16/7/2021 chuyển 700.000.000 đồng). Sau khi vay, chị M hẹn mấy hôm thì trả nên giữa chị T và chị M đã không làm giấy vay tiền. Đến hạn trả, không thấy chị M trả tiền, chị T đã nhiều lần đến hỏi nhưng chị M đều khất nợ. Khoảng cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2021 chị T yêu cầu chị M phải viết giấy vay tiền, chị M tự soạn thảo giấy vay tiền nhưng không đề ngày, tháng năm của giấy vay. Do không nhớ ngày vay tiền nên chị M đã ghi trong giấy vay tiền là ngày 16/6/2021 và không ghi ngày trả tiền, giấy vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 3.875.000đồng/l ngày/1.550.000.000 đồng, tiền lãi sẽ trả theo tháng (thực tế vay không có lãi suất) và hẹn vài hôm sau sẽ thu xếp trả nợ. Sau khi viết giấy vay tiền, chị M, anh Đ có hứa trả cho chị T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nhưng không trả chị được đồng nào. Chị T đã nhiều lần đến nhà, gọi điện thoại cho chị M, anh Đ để đòi nợ nhưng chị M đều xin khất nợ. Anh Đ có nhắn tin Zalo cho chị T nói sẽ thu xếp để vợ chồng trả nợ chị nhưng không trả chị như đã hẹn. Đến nay, chị M, anh Đ không gặp cũng không có ý kiến gì, không nghe điện thoại chị gọi. Vì vậy chị khởi kiện yêu cầu chị M phải trả cho chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Trong quá trình giải quyết chị Thương yêu c vợ chồng chị M và anh Đ liên đới cùng chịu trách nhiệm trả nợ chị khoản tiền gốc vay trên, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Vũ Thị Tuyết M và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị M xác định có vay vợ chồng chị T anh T1 nhiều lần bằng hình thức vay bằng tiền mặt và chuyển khoản qua Ngân hàng với tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng để làm ăn như chị T trình bày là đúng. Các lần vay đều do chị trực tiếp vay. Khi làm ăn khó khăn không trả được theo hẹn, chị T có bảo chị viết giấy nhận nợ nên chị có viết giấy nhận nợ, do không nhớ ngày vay tiền của chị T nên chị đã ghi là ngày 16/6/2021 và hẹn vài ngày sẽ trả. Do làm ăn thua lỗ, nên đến nay chị cũng chưa trả được vợ chồng chị T đồng nào. Nay chị Thương yêu c chị và anh Đ chồng chị liên đới trả số tiền nợ gốc nêu trên và không yêu cầu tính lãi suất, chị đồng ý trả vợ chồng chị Thương số nợ gốc nêu trên nhưng không đồng ý buộc anh Đ chồng chị liên đới trả số tiền chị vay vì đây là khoản tiền vay riêng để làm công việc riêng của chị, anh Đ không biết, không liên quan.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Anh Lý Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của anh Đ trình bày:

Anh Đ biết chị M chơi với chị T và chị T có cho chị M vay tiền nhiều lần để làm ăn nhưng anh không biết cụ thể vay bao nhiêu, mục đích vay làm gì. Sau khi chị T đòi nợ anh mới biết, anh có bảo chị M trả nợ và bảo anh T1, chị T an tâm để chị M thu xếp trả nợ nhưng vẫn không trả được, tin nhắn zalo của anh Đ chỉ là thể hiện tinh thần trách nhiệm chung của anh với chị M chứ không phải anh nhận nợ. Anh xác định đây là khoản vay riêng của chị M, anh không nhận nợ, không biết số tiền 1.550.000.000 đồng chị M vay để làm gì nên anh không có trách nhiệm cùng chị M trả khoản tiền trên cho anh T1, chị T.

- *Anh Lý Trường T1 trình bày:* Do chị T là đồng nghiệp công tác cùng trường với chị M, giữa hai bên có đi lại chơi với nhau. Vì vậy khi chị M, anh Đ hỏi vay vợ chồng anh tiền thì anh chị đã đồng ý cho vợ chồng chị M, anh Đ vay số tiền như chị T trình bày nêu trên. Tuy nhiên, khi chuyển tiền anh chuyển tiền vào tài khoản của chị M, chị M ký giấy vay tiền nhưng thực chất khi hỏi vay là cả chị M và anh Đ hỏi vay tiền anh chị để làm ăn. Sau khi không trả được thì qua gọi điện, Z anh Đ vẫn nhận có trách nhiệm trả nợ, vì vậy chị M và anh Đ đều có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh chị số tiền nợ gốc trên.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự số 05/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357; 463; 465; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T và anh Lý Trường T1 về việc yêu cầu chị Vũ Thị Tuyết M trả nợ.

Buộc chị Vũ Thị Tuyết M phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lý Trường T1 số tiền nợ gốc 1.550.000.000đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí: Chị Vũ Thị Tuyết M phải chịu 58.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị T 29.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004461 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 nguyên đơn là chị Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Đây là khoản vay chung của vợ chồng anh Lý Văn Đ và chị Vũ Thị Tuyết M vì anh Đ chị M vay một khoản tiền lớn trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ cùng chị M trực tiếp đến nhà vợ chồng chị hỏi vay tiền, anh Đ là cán bộ công an huyện cam kết bảo lãnh trả nợ nên vợ chồng chị mới tin tưởng cho vay, không phải khoản vay riêng của chị M. Cấp sơ thẩm buộc một mình chị M trả nợ cho vợ chồng chị là không đúng bản chất sự việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc vợ chồng anh Lý Văn Đ và chị Vũ Thị Tuyết M cùng liên đới chịu trách nhiệm trả vợ chồng chị số tiền 1.550.000.000 đồng.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Phải xác định khoản tiền 1.550.000.000 đồng là khoản nợ chung của chị M anh Đ vì là khoản tiền lớn chi tiêu trong thời kỳ hôn nhân và anh Đ đã hứa, nhận thu xếp trả nợ cho vợ chồng chị T qua tin nhắn zalo, đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của vợ chồng chị M theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng chị M anh Đ cùng có nghĩa vụ trả vợ chồng chị T số tiền 1.550.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng chị M, anh Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị T và anh T1 số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị T làm trong hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng cáo hợp lệ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Bùi Doãn S có đơn từ chối làm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Vũ Thị Tuyết M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lý Văn Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị M và anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiếp tục xét xử.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Vũ Thị Tuyết M và chị Hoàng Thị T đều thừa nhận chị M vay của chị T số tiền 1.550.000.000 đồng vào năm 2021 (chị T đưa tiền mặt là 450.000.000 đồng, anh T1 chồng chị T chuyển khoản 02 lần vào ngày 15/7/2021 và ngày 16/7/2021 với số tiền là 1.100.000.000 đồng) do vay nóng nên không làm giấy vay, do chưa có tiền trả nợ nên chị Thương yêu c chị M viết giấy vay tiền, chị M tự ghi là ngày 16/6/2021 vay 1.550.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận là 3.875.000 đồng/l ngày, thanh toán theo tháng là 30 ngày, có chữ ký của bên cho vay là chị T, bên vay là chị M, giấy vay tiền có ghi lãi suất để hợp thức khoản vay, thực chất là vay không có lãi. Do chưa trả được khoản vay, chị T và anh T1 có đòi nhiều lần bằng hình thức đến nhà, gọi điện thoại và nhắn tin trên zalo điện thoại được chị M và anh Đ thừa nhận, nhưng đến nay chị M anh Đ vẫn chưa trả chị T anh T1 1.550.000.000 đồng vay trên.

[2.2] Tại đơn khởi kiện chị Thương yêu c Tòa án giải quyết buộc chị M phải trả cho chị số nợ gốc 1.550.000.000 đồng không đòi lãi, tuy nhiên phần cuối đơn khởi kiện chị T ghi thông tin khác cần thiết cho việc giải quyết vụ án như sau: "Người viết giấy vay nợ của tôi là chị Vũ Thị Tuyết M nhưng ông Lý Văn Đ là chồng chị M biết rõ việc vay, mục đích vay làm gì, làm với ai và làm như thể nào". Tại tin nhắn trong Zalo điện thoại của chị T cung cấp thể hiện chị T và anh Đ nhắn tin qua lại cho nhau về việc chị T đòi tiền được thể hiện các tin nhắn vào ngày 23/7/2021 (BL 56-58): "Em và T1 cứ yên tâm a chị sẽ có trách nhiệm giải quyết chỗ nhà em trước", "Nhưng yên tâm anh sẽ trả đủ cho 2 vc em trước". Tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của anh Đ trình bày (BL 208): "Tin nhắn zalo của anh Đ là thể hiện tinh thần trách nhiệm chung của anh Đ với vợ là chị M *"*.

[2.3] Như vậy, có thể khẳng định anh Đ có nhắn tin zalo với chị T, đã nhận khoản vay trên cùng vợ là chị M và có trách nhiệm trả vợ chồng chị T. Quá trình giải quyết vụ án, do chị M, anh Đ ủy quyền toàn bộ cho ông Bùi Doãn S nên chỉ có người được ủy quyền tham gia tố tụng và có lời khai, tại cấp

phúc thẩm chị M, anh Đ cũng không đến phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không làm rõ được chị M vay tiền kinh doanh gì, có liên quan đến anh Đ chồng chị M hay không. Tuy nhiên, đây là khoản tiền vay lớn, thời điểm chị M vay tiền thì giữa chị M và anh Đ là vợ chồng, mặt khác cũng theo lời trình bày của anh Đ thì khi chị T, anh T1 đến nhà anh Đ đòi nợ thì anh Đ đã biết khoản nợ này và anh Đ cũng đã có tin nhắn cho chị T vào ngày 23/7/2021 là sẽ có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị T. Căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh Đ và chị T cùng phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 1.550.000.000 đồng cho vợ chồng chị T anh T1.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản nợ này là của riêng chị M không liên quan đến anh Đ và buộc một mình chị M phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho vợ chồng chị T là không đúng bản chất sự việc và không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần phải buộc anh Đ có trách nhiệm liên đới cùng chị M trả khoản nợ chung này cho vợ chồng chị T anh T1.

[2.4] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DSST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên về trách nhiệm trả nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147, Điều148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị T là nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0006101 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa phần trách nhiệm trả nợ nên buộc anh Lý Văn Đ và chị Vũ Thị Tuyết M phải chịu 58.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho chị Hoàng Thị T 29.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004461 ngày 02/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 357; 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình: Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn là chị Vũ Thị Tuyết M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lý Văn Đ.

2. Buộc chị Vũ Thị Tuyết M và anh Lý Văn Đ phải liên đới có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lý Trường T1 số tiền nợ gốc 1.550.000.000đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng). Không phải trả tiền lãi do chị T và anh T1 không yêu cầu.

Chị Hoàng Thị T và anh Lý Trường T1 được nhận số tiền nợ gốc 1.550.000.000đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng) do chị M và anh Đ trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nếu không có thỏa thuận khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Lý Văn Đ phải liên đới chịu 58.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị T 29.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004461 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006101 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Định Hóa;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nhài